

PHỤ LỤC SỐ 6
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
CÔNG LẬP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng BTC)

UBND XÃ ĐỨC CHÂU
TRƯỜNG MN DIỄN KỶ
Số: 49/BC-MN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Đức Châu, ngày 17 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ
TRƯỜNG MẦM NON DIỄN KỶ NĂM 2025

I. Đánh giá chung

Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ giúp đơn vị có thể chủ động trong việc sử dụng các nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao, phát huy mọi khả năng của đơn vị để cung cấp dịch vụ với chất lượng tốt nhất cho xã hội; phát huy tính sáng tạo, năng động, xây dựng lối làm việc đặc trưng cho đơn vị.

Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường.

Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, chất lượng cao, hiệu quả công việc cao, thời gian giải quyết công việc kịp thời gian, quy trình xử lý công việc tốt.

Đơn vị luôn chấp hành theo các chế độ và các quy định về tài chính.

Thực hiện công khai đầy đủ về các nội dung: Quy chế chi tiêu nội bộ; chế độ, chính sách miễn, giảm học phí, học bổng,...

II. Đánh giá cụ thể

1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng:

a. Về tổ chức bộ máy: Phân công phân nhiệm hợp lý, công việc được phân chia rõ ràng, cụ thể phù hợp với năng lực mỗi cá nhân. Có sự thống nhất cao, đoàn kết nội bộ tốt, 100% cán bộ giáo viên nhân viên tuân thủ tốt nội quy cơ quan, chấp hành tốt quy định của nhà nước.

* Ban giám hiệu: 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng.

* Tổ chuyên môn: Có 02 tổ: Tổ chuyên môn nhà trẻ, tổ chuyên môn mẫu giáo

* Tổ văn phòng: gồm các nhân viên thực hiện công tác kế toán kiêm văn thư, 01 bảo vệ.

b. Số lượng cán bộ quản lý, viên chức, lao động hợp đồng và tình hình sắp xếp bộ máy của đơn vị:

- Số đầu năm: Tổng số CBQL, viên chức, lao động hợp đồng: 62 (nữ: 60)

+ Cán bộ quản lý: 03 người (nữ: 03)

- + Viên chức: 45 người, gồm 44 giáo viên, 01 kế toán (nữ: 44, nam: 01)
- + Lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên: 13 người, trong đó: bảo vệ: 01 (1 nam); nhân viên phục vụ bán trú: 13 người (13 nữ)
- Số cuối năm: Tổng số CBQL, viên chức, lao động hợp đồng: 61 người (nữ: 59)
- + Cán bộ quản lý: 03 người (nữ: 03)
- + Viên chức: 44 người, gồm 43 giáo viên, 01 kế toán (nữ: 43)
- + Lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên: 12 người, trong đó: bảo vệ: 02 (2 nam); nhân viên phục vụ bán trú: 10 người (10 nữ)
- Tình hình tăng giảm:
 - + Viên chức: 01 giáo viên chuyên
 - + Lao động hợp đồng: **không thay đổi**

c) Về thực hiện nhiệm vụ được giao:

* Đánh giá chung

- Khối lượng công việc hoàn thành trong năm: 100%.
- Chất lượng công việc hoàn thành được duyệt hoặc chấp nhận: 100%
- Thời hạn hoàn thành công việc: Đúng quy định.
- Tình hình chấp hành chính sách chế độ và quy định về tài chính: Đúng và đủ theo quy định
- Thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp đặc thù của đơn vị: Hoàn thành tốt

Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của ngành, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

* Về thực hiện hoạt động dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN); hoạt động khác:

Căn cứ theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức thu học phí trong các cơ sở giáo dục công lập, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định thuộc tỉnh Nghệ An quản lý từ năm học 2023-2024;

Căn cứ Quyết định số 2445/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Thông tư Số: 04/2014/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Căn cứ công văn Số: 2461/UBND - GD&ĐT Ngày 10/09/2024 của UBND Huyện V/v: Triển khai thực hiện các văn bản của UBND tỉnh Nghệ An; Sở Giáo dục và Đào tạo về thực hiện các khoản thu, chi năm học 2024- 2025 trong lĩnh vực giáo dục và Đào tạo tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn;

Căn cứ Nghị quyết số: 31/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Nghệ An Quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 14/07/2022 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Nghệ An Quy định mức thu học phí trong cơ sở giáo dục công lập; Mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định thực tỉnh Nghệ An quản lý từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 1966/SGD&ĐT-KHTC ngày 05/09/2024 của SGD&ĐT Nghệ An về việc hướng dẫn công tác quản lý thu chi năm học 2024 - 2025 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 2566/SGD&ĐT-TC&ĐTGD ngày 05/09/2025 của SGD&ĐT Nghệ An về việc hướng dẫn công tác quản lý thu chi năm học 2025 - 2026 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Dự toán thu chi NS và học phí được công khai trên trang web và dán bảng tin nhà trường trước khi thực hiện. Các khoản thu chi phục vụ công tác bán trú, vận động tài trợ và học tăng cường phải được thỏa thuận thống nhất bằng văn bản giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ trẻ và công khai cho phụ huynh trẻ, làm cơ sở để giám sát và kiểm tra việc thực hiện.

- Nguyên tắc quản lý:

+ Mọi khoản thu đều được quản lý thông qua phần mềm quản lý thu và được cập nhật kịp thời vào sổ kế toán theo quy định;

+ Thu: Căn cứ vào công văn hướng dẫn công tác quản lý thu chi của Sở giáo dục & đào tạo.

+ Chi: Khoản thu được từ tài khoản chuyên thu sẽ được nộp vào tài khoản tiền gửi khác của đơn vị mở tại kho bạc đối với các khoản thu theo quy định, các khoản thu còn lại sẽ được thực hiện chi trực tiếp từ tài khoản chuyên thu. Thực hiện lập ủy nhiệm chi thanh toán khi có phát sinh chi.

Nhà trường thực hiện công tác công khai quyết toán tiền ăn với phụ huynh hàng hàng tháng, năm học.

Tiền tồn từ các khoản thu phục vụ công tác bán trú (nếu có) nhà trường không được phép sử dụng vào các mục đích khác mà phải trả lại phụ huynh học.

** Về thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và phục vụ quản lý nhà nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền:*

- Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 02 tuổi đến 05 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Chủ động đề xuất nhu cầu tuyển dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường công lập; quản lý, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định. Công bố công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động giáo dục.

- Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

- Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động phù hợp trong cộng đồng.

** Thực hiện các nhiệm vụ chi không thường xuyên.*

- Thực hiện các chế độ chính sách cho trẻ như: hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, trẻ khuyết tật, phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật.

- Nâng cấp cải tạo các phần mềm phục vụ hoạt động chuyên môn.

- Chi mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất nhỏ; đối với mua sắm sửa chữa lớn thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

** Thực hiện các nhiệm vụ khác:* theo yêu cầu của cấp trên khi có phát sinh.

2. Về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị

Đơn vị cơ quan cấp trên có thẩm quyền giao quyền tự chủ tài chính là đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Đơn vị nhóm 3 có mức tự bảo đảm dưới 10% đến 30% chi thường xuyên)

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị:

3.1. Căn cứ thực hiện các khoản thu sự nghiệp, thu phí, thu từ nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ:

a. Thu học phí: theo hướng dẫn các văn bản theo quy định;

Căn cứ theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức thu học phí trong các cơ sở giáo dục công lập, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định thuộc tỉnh Nghệ An quản lý từ năm học 2023-2024;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 14/07/2022 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Nghệ An Quy định mức thu học phí trong cơ sở giáo dục công lập; Mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định thuộc tỉnh Nghệ An quản lý từ năm học 2022-2023 đến năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 1966/SGD&ĐT-KHTC ngày 05/09/2024 của SGD&ĐT Nghệ An về việc hướng dẫn công tác quản lý thu chi năm học 2024 - 2025 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 2566/SGD&ĐT-TC&ĐTGD ngày 05/09/2025 của SGD&ĐT Nghệ An về việc hướng dẫn công tác quản lý thu chi năm học 2025 - 2026 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/09/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Cấp bù học phí: Đối với các đối tượng được miễn giảm học phí theo quy định hiện hành, thì cơ sở giáo dục sẽ được cấp bù khoản học phí đã miễn giảm, khoản cấp bù được sử dụng theo quy định hiện hành.

Học kỳ II năm học 2024-2025: Kinh phí cấp bù học phí 121.750.000 đồng

Học kỳ I năm học 2025-2026: Kinh Phí cấp bù: 717.920.000 đồng

b. Cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định:

Căn cứ Quyết định số 2445/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Phê duyệt Đề án “Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Thông tư Số: 04/2014/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Căn cứ công văn Số: 2461/UBND - GD&ĐT Ngày 10/09/2024 của UBND Huyện V/v: Triển khai thực hiện các văn bản của UBND tỉnh Nghệ An; Sở Giáo dục và Đào tạo về thực hiện các khoản thu, chi năm học 2024- 2025 trong lĩnh vực giáo dục và Đào tạo tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn;

Căn cứ Nghị quyết số: 31/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân Tỉnh Nghệ An Quy định mức thu tối đa các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ “Đơn tình nguyện đăng ký tham gia các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025, năm học 2025-2026” của phụ huynh học sinh.

Nhu cầu thực tế của nhà trường năm học 2024-2025, năm học 2025-2026.

*** Tiền ăn bán trú:**

- Thu để tổ chức bữa ăn trong ngày cho trẻ tại trường, bao gồm các bữa ăn chính, phụ...căn cứ vào số bữa ăn, lượng Calo/ngày cần cung cấp cho trẻ theo chương trình GDMN để xác định mức thu tiền ăn hàng ngày trên mỗi trẻ

- Chi 100% tiền ăn (trả tiền thực phẩm, gia vị, rau, trái cây, sữa,...) cho học sinh.

- Hồ sơ thanh toán: giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn, chứng từ hợp lệ..

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

- Đối với trẻ nghỉ học có phép nhà trường sẽ hoàn trả lại số tiền ăn của ngày đó. Nhà trường mua đúng và đủ số tiền khẩu phần ăn của trẻ trong ngày, không cắt xén khẩu phần ăn của trẻ.

- Mức thu tiền ăn năm học 2024-2025: 20.000 đồng/ngày/trẻ , số ngày thu dựa vào số ngày học thực tế của trẻ trong từng tháng.

- Mức thu tiền ăn năm học 2025-2026: 22.000 đồng/ngày/trẻ , số ngày thu dựa vào số ngày học thực tế của trẻ trong từng tháng.

* **Tiền chi phí bán trú:** Thu để phục vụ công tác bán trú như: Chất đốt, vệ sinh, hỗ trợ điện nước sinh hoạt, mua bổ sung đồ dùng nhà bếp...Căn cứ định mức bình quân hàng tháng các chi phí phục vụ hàng tháng để tính mức thu trên mỗi trẻ.

- Chi 100% cho sinh hoạt bán trú (xà phòng, xịt khuẩn, chất đốt, nước uống tinh khiết, điện, nước sinh hoạt, lau sàn, tẩy bồn cầu, giấy vệ sinh,...).

- Hồ sơ thanh toán: giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn, chứng từ hợp lệ...

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

- Mức thu tiền sinh hoạt năm học 2024-2025: 20.000 đồng/tháng/trẻ

- Mức thu tiền sinh hoạt năm học 2025-2026: 25.500 đồng/tháng/trẻ

* **Tiền thuê nhân viên phục vụ bán trú (nhân viên nấu ăn)**

- Thu để trả lương hợp đồng nhân viên phục vụ bán trú. Căn cứ vào tổng số tiền lương hàng tháng của nhân viên phục vụ để xác định mức thu trên mỗi trẻ.

- Hồ sơ thanh toán: Bảng thanh toán tiền lương hàng tháng

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

- Mức thu tiền phục vụ năm học 2024-2025: 88.000 đồng/tháng/trẻ

- Mức thu tiền phục vụ năm học 2025-2026: 95.500 đồng/tháng/trẻ

* **Mua sắm vật dụng dùng chung cho trẻ bán trú:**

- Mua sắm và sửa chữa đồ dùng phục vụ bán trú: nồi,tủ, chăn, chiếu, bát đĩa,....

- Hồ sơ thanh toán: Bảng thanh toán tiền lương hàng tháng

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

- Mức thu tiền phục vụ năm học 2024-2025: 157.000 đồng/tháng/trẻ

- Mức thu tiền phục vụ năm học 2025-2026: 138.000 đồng/tháng/trẻ

c. Thu khác:

* **Tiền chăm sóc sức khoẻ ban đầu:**

Thực hiện theo Thông tư 30/2024/TT-BYT ngày 31/12/2020, Nghị định số 188/2025/NĐ- CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một

số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Công văn số 1966/SGD&ĐT-KHTC ngày 05/09/2024 của SGD&ĐT Nghệ An về việc hướng dẫn công tác quản lý thu chi năm học 2024 - 2025 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 2566/SGD&ĐT-TC&ĐTGD ngày 05/09/2025 của SGD&ĐT Nghệ An về việc hướng dẫn công tác quản lý thu chi năm học 2025 - 2026 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Tỉnh Nghệ An;

*** Nguồn xã hội hóa giáo dục (viện trợ, quà biếu, quà tặng...)**

Căn cứ thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân.

Căn cứ công văn số 9337/UBNDX-VX ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh về việc quy định nội dung vận động tại thông tư 16/2018/TT-BGDĐT

Nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân hỗ trợ mua sắm, sửa chữa thiết bị, đồ dùng dạy học...theo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, không quy định mức tài trợ, không giao chỉ tiêu cho các lớp, không lợi dụng việc tài trợ giáo dục để ép buộc đóng góp.

3.2. Tình hình thực hiện các khoản chi thường xuyên

- Nguồn thu:

a. Nguồn thu học phí:

+ Tồn năm 2024 chuyển sang: 130.639.240 đồng

+ Thu trong năm : 336.850.000 đồng

+ Chi trong năm : 439.981.158 đồng.

+ Tồn chuyển sang năm sau: 27.508.082 đồng (tồn TKTG 3176.4.1102846.00000 tại kho bạc)

b. Chi thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn)

* Tổng dự toán được sử dụng nguồn 13: 8.204.468.000 đồng

Trong đó:

+ Tồn 2024 chuyển sang: 0 đồng

+ Dự toán cấp đầu năm 2025: **8.251.903.000** đồng (Theo Quyết định số 29/QĐ-TC.KH ngày 03/01/2025). Trong đó quỹ lương cấp đầu năm: 7.876.903.000 đồng, chi hoạt động cấp đầu năm: 375.000.000 đồng.

+ Điều chỉnh giảm quỹ lương: 139.353.000 đồng. (Theo Theo Quyết định số 2844/QĐ-UBND ngày 26/06/2025)

+ Kinh phí cấp bù 40% học phí bù lương giảm đầu năm 2025: 99.418.000 đồng.(Theo Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 31/12/2025).

* Tổng dự toán chi đã sử dụng: 8.091.460.012 đồng

Trong đó:

+ Chi lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương: 7.642.820.547 đồng

+ Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp: 346.310.799 đồng

* Tiết kiệm chi: 7.500.000 đồng

* Tổng dự toán tồn chuyên sang năm sau: 113.007.988 đồng

c. Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ (theo số thực hiện): 240.982.070 đồng.

+ Kinh phí trích lập quỹ: 100.466.000 đồng

+ Kinh phí tồn chuyển sang năm 2026: 140.516.070 đồng

Đơn vị nhóm 3 báo cáo tình hình sử dụng kinh phí tiết kiệm.

Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi phí thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, trích khấu hao tài sản cố định, trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định này, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động thường xuyên giao tự chủ (nếu có) được xác định là kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được.

Đơn vị sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo thứ tự như sau:

+ Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp : hỗ trợ việc sửa chữa bổ sung cơ sở vật chất cho hoạt động của đơn vị

+ Bổ sung thu nhập cho viên chức, người lao động: Đơn vị chi thu nhập bình quân tăng thêm cho viên chức, người lao động tối đa không quá 0,3 lần quỹ tiền lương cơ bản của viên chức, người lao động của đơn vị theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người. Số tiết kiệm được cuối năm sau khi chi trả thu nhập chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

+ Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi: đảm bảo chế độ về khen thưởng và phúc lợi cho cán bộ giáo viên nhân viên nhà trường.

+ Thủ trưởng đơn vị quyết định phương án sử dụng kinh phí tiết kiệm nêu trên theo quy chế chi tiêu nội bộ và công khai trong đơn vị.

d. Về chi trả thu nhập tăng thêm trong năm:

Thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm vào cuối năm học hoặc cuối năm tài chính, dựa theo kết quả đánh giá xếp loại cuối năm học

e. Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.

Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng và thực hiện theo cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm và được giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21

tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

- Thực hiện quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong việc tổ chức công việc, sắp xếp bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao; tăng nguồn thu nhằm từng bước cải thiện thu nhập cho cán bộ, viên chức của Trường Mầm non Diên Kỳ.

- Tạo quyền chủ động trong quản lý và chi tiêu tài chính cho Hiệu trưởng giúp cán bộ, viên chức của trường hoàn thành nhiệm vụ được giao;

- Thúc đẩy việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng biên chế và kinh phí trong nhà trường; thực hiện chương trình hành động phòng chống tham nhũng tại các đơn vị hành chính sự nghiệp.

- Là căn cứ để quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu trong đơn vị; thực hiện kiểm soát chi của Kho bạc Nhà nước; cơ quan quản lý cấp trên; cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định;

- Sử dụng nguồn tài chính, tài sản của trường đúng mục đích, có hiệu quả;

- Tạo công bằng trong đơn vị, khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi, thu hút và giữ được những người có năng lực trong đơn vị.

g. Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu.

- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc Quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở định mức được Nhà nước quy định, phù hợp với đặc thù của đơn vị và được sự thống nhất của toàn thể cán bộ, viên chức, nhân viên trong toàn đơn vị

- Thực hiện công khai tài chính

- Tăng cường tính chủ động, tự giác của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị, sử dụng tiết kiệm điện, nước, văn phòng phẩm, bảo quản tài sản cơ sở vật chất nói chung của nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch và các phương án thực hiện nhằm mở rộng hoạt động, phát triển nguồn thu sự nghiệp; chú trọng đến giải pháp tài chính để động viên công chức, viên chức, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tham gia vào dịch vụ...

- Chi hợp lý các khoản chi, nhưng vẫn đảm bảo hoạt động của đơn vị,

- Tận dụng tối đa các nguồn lực có sẵn, không phung phí trong mua sắm. Bảo quản đồ dùng, tài sản của đơn vị thật tốt.

h. Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn:

Không có

3.3. Tình hình thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên:

+ Kinh phí không tự chủ (nguồn 12): **202.822.000 đồng**

- * Dự toán hỗ trợ trẻ ăn trưa, hỗ trợ CPHT và cấp bù miễn giảm học phí cấp đầu năm 2025: **249.210.000 đồng** (Theo Quyết định số 29/QĐ-TC.KH ngày 03/01/2025)

- * Bổ sung KP nguồn khen thưởng cá nhân, tập thể: 61.712.000 đồng (Theo Quyết định số 2536/QĐ-UBND ngày 15/06/2025)

- * Điều chỉnh giảm nguồn hỗ trợ trẻ ăn trưa và NĐ 81: 108.060.000 đồng (Theo Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 31/12/2025)

- * Nộp trả ngân sách: 40.000 đồng

+ Kinh phí không tự chủ (nguồn 18): **437.860.000 đồng**

* Dự toán KP khen thưởng NĐ 73/2024 cấp đầu năm 2025: **319.860.000 đồng** (Theo Quyết định số 29/QĐ-TC.KH ngày 03/01/2025).

*Bổ sung KP khen thưởng NĐ 73/2024: **118.000.000 đồng** (Theo Quyết định số 2824/QĐ-UBND ngày 25/06/2025)

4. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân

Không có

5. Đề xuất kiến nghị

Không có

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trương Mỹ Hoa



